

Bản án số: **370/2025/HC-ST**

Ngày: 21/08/2025

*Về việc: Khiếu kiện quyết định
trong lĩnh vực quản lý đất đai.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Hoàng Lan Chi**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Bạch Thị Kim Loan**

Ông Lê Phú Hợp

- Thư ký phiên tòa: **Bà Trần Tuyết Nhung** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Kim Thanh** – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 08 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 07/2025/TLST-HC ngày 03/01/2025 về việc: Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 186/2025/QĐXXST-HC ngày 09/06/2025, Thông báo về việc hoãn phiên tòa số 166/2025/TB-TA ngày 27/06/2025, Thông báo về việc mở phiên tòa số 884/2025/TB-TA ngày 04/08/2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: **Bà Đào Thị Kim A**, sinh năm 197X; CCCD số: xxxxxx do CCSQLHC về TTXH cấp ngày xxxxxx; HKTT: phố B, phường Q, quận H, thành phố Hà Nội; Địa chỉ: Khu tập thể D, phường Q, quận H, thành phố Hà Nội; (Nay là phường H, thành phố Hà Nội). *(Có đơn xin vắng mặt)*

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Kim A: Luật sư Đinh Thị Mai H – Văn phòng Luật sư P, Đoàn Luật sư TP Hà Nội. *(Có mặt)*

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Sỹ T – Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng Đ – Phó Chủ tịch (Giấy ủy quyền số 101/GUQ-UBND ngày 17/07/2025). *(Có đơn xin vắng mặt)*

2.2. Chủ tịch và Ủy ban nhân dân quận H, thành phố Hà Nội

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Chủ tịch và UBND quận H:
Chủ tịch và Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Hà Nội

Địa chỉ: phố C, phường H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị L – Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Huy Q – Phó Chủ tịch (Giấy ủy quyền số 11/GUQ-UBND ngày 24/7/2025). *(Có đơn xin vắng mặt)*.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân phường Q, quận H, TP Hà Nội

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của UBND phường Q: Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Hà Nội

Địa chỉ: phố C, phường H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị L – Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Huy Q – Phó Chủ tịch (Giấy ủy quyền số 11/GUQ-UBND ngày 24/7/2025). *(Có đơn xin vắng mặt)*.

3.2. Công ty S; Địa chỉ: khu đô thị X, phường H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Mạnh H – Chủ tịch Công ty

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Thanh S – Phó Tổng Giám đốc (Giấy ủy quyền số 1273/UQ-CTSN-QLN.CT ngày 16/7/2025). *(Có đơn xin vắng mặt)*.

3.3. Hộ gia đình bà Đào Thị Kim A:

- Ông Nguyễn Thế C, sinh năm 197X; CCCD số: xxxxxx do CCSQLHC về TTXH cấp ngày xxxxx;

- Chị Nguyễn Thu T, sinh năm 200X; CCCD số: xxxxxx do CCSQLHC về TTXH cấp ngày xxxxx;

- Anh Nguyễn Thế D, sinh năm 200X; CCCD số: xxxxxx do CCSQLHC về TTXH cấp ngày xxxxx;

- Cháu Nguyễn Ngọc L, sinh năm 201X;

Cùng địa chỉ: Khu tập thể D, phường Q, quận H, thành phố Hà Nội. (Nay là phường H, thành phố Hà Nội); *(Có đơn xin vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện, Đơn sửa đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện – Bà Đào Thị Kim A trình bày:

Bà Đào Thị Kim A là một trong số các hộ dân bị thu hồi đất để thực hiện dự án Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía Tây thành phố Hà Nội (Trạm bơm tiêu Yên Nghĩa).

Nguồn gốc nhà đất của gia đình bà Kim A như sau:

Thực hiện Nghị quyết của Đảng ủy Cục Hậu cần Quân khu 3 giao cho Đảng ủy Xí nghiệp Dược Quân khu 3 thực hiện di dời toàn bộ khu gia đình cán bộ, công nhân viên ra khỏi đơn vị để mở rộng khu vực sản xuất thuốc phục vụ bộ đội chiến đấu. Năm 1983, Cục hậu cần Quân khu 3 đã có Công văn số 80/HC gửi Công ty quản lý thủy nông Sông Nhuệ tỉnh Hà Sơn Bình để mượn khu đất bờ sông La Khê làm lán cho bộ đội ở và đã được đồng ý. Tiếp đến năm 1987, do nhu cầu phục vụ toàn Quân khu, nhiệm vụ của Xưởng Dược tăng lên, số cán bộ nhân viên tăng lên nhưng địa điểm của Xưởng lúc đó lại quá chật hẹp, không đảm bảo nơi sản xuất, ăn ở, sinh hoạt của cán bộ nhân viên. Do đó, Cục hậu cần Quân khu 3 lại tiếp tục có Công văn gửi đến UBND tỉnh Hà Sơn Bình đồng kính gửi Ban quản lý ruộng đất tỉnh, Sở thủy lợi tỉnh, Công ty Sông Nhuệ, UBND thị xã Hà Đông, Phòng quản lý ruộng đất thị xã Hà Đông xin phân đất trên để phân cho cán bộ xây nhà ở, trồng được liệu và cũng đã được đồng ý. Căn cứ vào sự chấp thuận đó, Xí nghiệp Dược Quân khu 3 đã ban hành các Giấy chứng nhận cấp đất làm nhà ở để phân đất cho từng hộ gia đình cán bộ thuộc Xí nghiệp. Các hộ gia đình được cấp đất đã xây nhà và sinh sống ổn định từ đó đến nay. Trong số các hộ dân được giao đất thời kỳ đó có hộ gia đình bà Nguyễn Thị B. Đến năm 2001 vợ chồng bà B đã bán lại nhà đất trên

cho vợ chồng bà Đào Kim A, ông Nguyễn Thế C. Gia đình bà Kim A chuyển đến và sinh sống ổn định trên thửa đất này cho đến khi Nhà nước có Dự án thu hồi đất.

Xưởng Dược Quân khu 3 xin đất để cấp cho cán bộ nhân viên thời bấy giờ là chính sách giải quyết nhu cầu cấp thiết, chính đáng về chỗ ở và nhu cầu sản xuất thuốc phục vụ trong Quân đội. Việc xin đất cũng đã được các Sở ban ngành của thị xã Hà Đông cũng như tỉnh Hà Sơn Bình đồng ý. Tại thời điểm đó, chính sách xin đất để cấp cho cán bộ nhân viên là cần thiết và đúng đắn. Cán bộ nhân viên được phân đất xây nhà là để ổn định đời sống, ổn định sản xuất phục vụ nhiệm vụ của Nhà nước giao chứ không phải tự nhiên mà họ được phân đất. Họ đã bảo vệ, tôn tạo, sử dụng đất đúng mục đích được giao và nộp thuế đất phi nông nghiệp đầy đủ.

Theo phương án phê duyệt của UBND quận H thì hộ gia đình bà Kim A không được bồi thường về đất, không được tái định cư mà chỉ được hỗ trợ về tài sản trên đất với số tiền là hơn Hai trăm triệu đồng. Không đồng ý với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên nên đã khiếu nại đến Chủ tịch UBND quận H. Chủ tịch UBND quận H đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại với nội dung: Giữ nguyên các Quyết định thu hồi và Quyết định phê duyệt phương án. Bà Kim A không đồng ý với nội dung giải quyết trên.

Bà Kim A đưa ra một số căn cứ như sau:

1. Về vấn đề bồi thường về đất:

Để dẫn chiếu theo qui định tại thời điểm này có thể nguồn gốc đất như trên được cho là giao trái thẩm quyền nhưng áp dụng theo chính sách quản lý đất đai tại thời điểm đó, xét theo hoàn cảnh và nhu cầu thực tế lúc đó thì các hộ dân được Cơ quan chủ quản phân đất chứ không phải họ tự ý lấn chiếm. Thực tế này đã tồn tại và được các cấp chính quyền các thời kỳ sau này công nhận thông qua việc thu thuế sử dụng đất ở hàng năm, xác nhận trong Giấy xác nhận đăng ký đất đai của các hộ dân. Nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của các hộ dân Xưởng Dược Quân khu 3 cần được tôn trọng và chấp nhận.

Tại điểm a khoản 1 Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP qui định: “Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (công nhận quyền sử dụng đất) cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ổn định từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà không có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai, Điều 18 của Nghị định này và không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 101 của Luật Đất đai, Điều 23 của Nghị định này được thực hiện theo quy định như sau:

1. Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có nhà ở, công trình xây dựng khác từ trước ngày 15 tháng 10 năm 1993; nay được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận không có tranh chấp sử dụng đất; việc sử dụng đất tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị hoặc quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn hoặc quy hoạch xây dựng nông thôn mới đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (sau đây gọi chung là quy hoạch) hoặc không phù hợp với quy hoạch nhưng đã sử dụng đất từ trước thời điểm phê duyệt quy hoạch hoặc sử dụng đất tại nơi chưa có quy hoạch thì được công nhận quyền sử dụng đất như sau:

a) Đối với thửa đất có nhà ở mà diện tích thửa đất nhỏ hơn hoặc bằng hạn mức công nhận đất ở quy định tại Khoản 4 Điều 103 của Luật Đất đai (hạn mức công nhận đất ở) thì toàn bộ diện tích thửa đất được công nhận là đất ở.

Căn cứ vào qui định trên thì đất của gia đình đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận, nên khi thu hồi cũng đủ điều kiện để được bồi thường, hỗ trợ về đất ở. Việc UBND quận căn cứ Điều 82 Luật Đất đai 2013 để không bồi thường về đất cho gia đình là không thỏa đáng.

Hơn nữa, Quyết định phê duyệt phương án chỉ căn cứ chung chung vào Điều 82 Luật Đất đai để không bồi thường về đất cho gia đình. Nhưng không chỉ ra đất của gia đình thuộc trường hợp cụ thể nào mà không được bồi thường. Điều 82 có 4 khoản. Mỗi khoản lại có chính sách hỗ trợ khác nhau. Việc áp dụng luật chung chung làm ảnh hưởng đến chính sách hỗ trợ khi thu hồi đất của gia đình bà Kim A.

2. Về tái định cư:

UBND quận H không phê duyệt xuất tái định cư cho gia đình với lý do: Bà Đào Thị Kim A có hộ khẩu thường trú tại phố B, phường Q, quận H, Hà Nội. Ông Nguyễn Thế C có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Xác nhận ngày 26/12/2022 của UBND xã P: Ông Nguyễn Thế C hiện nay không có nhà ở, đất ở trên địa bàn xã. Qua xác minh ông C đang kê khai hộ khẩu cùng mẹ là bà Vũ Thị T. Vợ chồng bà T vẫn sinh sống cùng các con, cháu trong đó có con là Nguyễn Thế C cùng một thửa đất; công trình nhà ở đang sử dụng là do vợ chồng bà T xây dựng; thửa đất này vẫn kê khai tên vợ chồng bà T. Trước khi ông Nguyễn Tiến N chết cũng không có văn bản, giấy tờ gì về việc chuyển nhượng cho con nào cả. Căn cứ vào khoản 2 Điều 79 Luật đất đai 2013, khoản 4 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP, khoản 2 Điều 27 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội, hộ gia đình bà Đào Thị Kim A – Nguyễn Thế C không có cơ sở xem xét tái định cư.

Lý do UBND xem xét về tái định cư cho gia đình là không hợp lý, bởi lẽ:

Thứ nhất, UBND quận H căn cứ vào khoản 2 Điều 79 Luật đất đai 2013, khoản 4 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP, khoản 2 Điều 27 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội có nội dung như sau:

Khoản 2 Điều 79 Luật đất đai 2013: “Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở phải di chuyển chỗ ở mà không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, nếu không có chỗ ở nào khác thì được Nhà nước bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở hoặc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.”

Khoản 4 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP: “Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, nếu không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được Nhà nước bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở hoặc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất. Giá bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở; giá đất ở tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.”

Khoản 2 Điều 27 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND: “Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất ở, nhà ở trước ngày 01/7/2004 mà có nguồn gốc do lấn, chiếm, khi Nhà nước thu hồi đất nếu không có chỗ ở nào khác thì được mua 01 căn hộ chung cư có diện tích nhỏ nhất trong quỹ nhà tái định cư của Thành phố hoặc mua 01 suất đất tái

định cư 30m², trong trường hợp địa phương còn quỹ đất tái định cư, theo giá quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố nhân với hệ số điều chỉnh K= 1,3.”

Ngoài nhà đất đã bị thu hồi ra thì gia đình bà Kim A không còn chỗ ở nào khác. Vì bà Kim A và ông C không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này nên để thuận tiện cho công việc của 2 vợ chồng và học hành của các con nên vợ chồng đành phải đăng ký hộ khẩu thường trú nhờ vào địa chỉ nhà chú bà Kim A. Còn thực tế cả gia đình sinh sống ổn định và chỉ có 1 chỗ ở duy nhất tại địa chỉ Khu tập thể D, phường Q, H, Hà Nội (nơi bị thu hồi đất). Gia đình đã đăng ký tạm trú dài hạn tại đây từ năm 2001 đến nay. Khi UBND quận H xác minh về hộ khẩu của gia đình bà Kim A cũng biết đó chỉ là nơi đăng ký hộ khẩu nhờ chứ không phải nhà của gia đình bà Kim A. Nhà đất tại địa chỉ đó thuộc quyền sở hữu của cô N (chỉ là quan hệ xã hội), gia đình bà Kim A không có quyền đến đó ở. Còn ông C, từ khi còn nhỏ thì đăng ký hộ khẩu theo bố mẹ. Đến khi lập gia đình, chuyển ra ngoài sinh sống nhưng không cắt khẩu mà vẫn để hộ khẩu cùng bố mẹ. Sau này, khi vợ chồng mua nhà tại Khu tập thể D, phường Q, H, Hà Nội; ông Chiến cũng không có nhu cầu chuyển khẩu về đây nên vẫn để hộ khẩu cùng với bố mẹ. Nhưng điều đó không có nghĩa là nhà đất tại Hưng Yên của bố mẹ ông C là thuộc về ông C được. Nhà của bố mẹ ông C không phải nhà chỗ ở hợp pháp của gia đình bà Kim A, ông C được. Xét theo qui định trên thì gia đình đủ điều kiện để được suất tái định cư. Nhưng UBND quận H lại cho rằng không đủ cơ sở để xem xét tái định cư cho gia đình.

Hiện nay nhà bà Kim A đã bàn giao cho Ban giải phóng mặt bằng để phục vụ việc thực hiện dự án, gia đình không có chỗ ở, ảnh hưởng rất lớn đến công việc của 2 vợ chồng cũng như việc học tập của các con. Vì mục đích chung của cộng đồng, của Nhà nước mà gia đình hiện đang phải chịu rất nhiều tổn hại. Kính mong các cấp chính quyền xem xét, đảm bảo công bằng và bảo vệ quyền lợi chính đáng về chỗ ở cho gia đình bà Kim A.

3. Về bồi thường, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất:

Tại mục 2 Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác trong QĐ phê duyệt thì không cho gia đình bà Kim A được hưởng khoản bồi thường chi phí di chuyển tài sản (không đủ điều kiện bồi thường về đất, không được hỗ trợ khoản này) (áp dụng theo khoản 1 Điều 15 Quyết định số 10). Nhưng khoản 1 Điều 15 Quyết định số 10 qui định như sau:

Điều 15. Bồi thường chi phí di chuyển tài sản khi Nhà nước thu hồi đất (Thực hiện Điều 91 Luật Đất đai)

1. Đối với hộ gia đình, cá nhân:

Bồi thường 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/chủ sử dụng nhà ở, đất ở đối với trường hợp di chuyển chỗ ở trong phạm vi Thành phố; 8.000.000 đồng (tám triệu đồng)/chủ sử dụng nhà ở, đất ở đối với trường hợp di chuyển chỗ ở về tỉnh, thành phố khác.

Điều 91. Bồi thường chi phí di chuyển khi Nhà nước thu hồi đất

1. Khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển tài sản thì được Nhà nước bồi thường chi phí để tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt; trường hợp phải di chuyển hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất còn được bồi thường đối với thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt.

Căn cứ theo 2 điều khoản trên thì việc bồi thường chi phí di chuyển tài sản khi nhà nước thu hồi đất là tất cả các trường hợp Khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển tài sản thì được Nhà nước bồi thường chi phí để tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt mà không phụ thuộc vào việc trường hợp đó có được bồi thường về đất hay không. Chiều theo qui định trên thì gia đình bà Kim A đủ điều kiện để được hưởng mức bồi thường này. Vì việc xác định nguồn gốc đất của gia đình bà Kim A chưa chính xác, việc áp qui định giải quyết bồi thường về đất chưa hợp lý dẫn đến rất nhiều khoản hỗ trợ khác gia đình không được hưởng theo.

Yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Hủy Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 của UBND quận H về việc thu hồi 72,5m² đất do hộ ông (bà) Đào Thị Kim A – Nguyễn Thế C đang sử dụng tại phường Q, quận H, thành phố Hà Nội để thực hiện dự án: Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía Tây thành phố Hà Nội (Trạm bơm tiêu Yên Nghĩa).

2. Hủy Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 của UBND quận H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi tiết khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ gia đình ông (bà) Đào Thị Kim A – Nguyễn Thế C; địa chỉ: TDP 7, Tập thể D, phường Q, quận H, thành phố Hà Nội để thực hiện dự án Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía Tây thành phố Hà Nội (Trạm bơm tiêu Yên Nghĩa) thuộc địa bàn phường Q, quận H.

3. Hủy Quyết định số 2489/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của UBND quận H về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định thu hồi đất đối với hộ gia đình ông (bà) Đào Thị Kim A – Nguyễn Thế C.

4. Hủy Quyết định số 2609/QĐ-UBND ngày 29/05/2024 của Chủ tịch UBND quận H về việc giải quyết khiếu nại của bà Đào Thị Kim A (lần đầu).

5. Hủy Quyết định số 3029/QĐ-UBND ngày 17/06/2025 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại của bà Đào Thị Kim A (lần hai).

6. Buộc chấm dứt hành vi hành chính có liên quan và bồi thường thiệt hại do UBND, Chủ tịch UBND quận H gây nên đối với gia đình ông (bà) Đào Thị Kim A – Nguyễn Thế C; Xin lỗi công khai, bồi thường danh dự của những công dân phường Q, quận H, thành phố Hà Nội.

Tại văn bản số 4120/UBND-BTCD ngày 17/7/2025, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện – Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội có ý kiến:

Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội không có ý kiến gì khác với quan điểm đã thể hiện tại Quyết định số 3029/QĐ-UBND ngày 17/06/2025 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại của bà Đào Thị Kim A (lần hai). Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại văn bản số 96/BC-UBND ngày 18/02/2025, người bị kiện – Chủ tịch và UBND quận H có ý kiến:

Ngày 07/02/2024, UBND quận H ban hành Quyết định số 584/QĐ-UBND về việc thu hồi 72,5m² đất do bà Đào Thị Kim A đang quản lý, sử dụng để thực hiện dự án Cải thiện hệ thống tiêu nước Khu vực phía tây thành phố Hà Nội (Trạm bơm tiêu Yên Nghĩa); Quyết định số 588/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi tiết khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ bà Đào Thị Kim A, tổng số tiền BHTT được nhận là 265,110,626 đồng. Trong đó:

1. Về thu hồi đất đối với bà Đào Thị Kim A:

Tại Giấy xác nhận ngày 05/02/2021 và 04/10/2021 của UBND phường Q thể hiện đối với phần diện tích 72,5m² đất hiện nay gia đình bà Đào Thị Kim A đang sử dụng thể hiện:

- 50,85m² đất có nguồn gốc đất hành lang bảo vệ công trình thủy lợi La Khê do Công ty thủy nông Sông Nhuệ cho Xí nghiệp Dược quân khu 3 mượn đất làm lán cho bộ đội ở. Sau đó năm 1987 Xí nghiệp Dược quân khu 3 cấp cho bà Nguyễn Thị B làm nhà ở, thời điểm trước ngày 15/10/1993.

- 4,05m² bà Nguyễn Thị B lấn chiếm đất hành lang bảo vệ công trình thủy lợi kênh La Khê, thời điểm từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004. Tại thời điểm lấn chiếm không có biên bản ngăn chặn của cấp có thẩm quyền.

- 17,6m² bà A và chồng là ông C lấn chiếm đất hành lang bảo vệ công trình thủy lợi kênh La Khê, thời điểm từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014. Tại thời điểm lấn chiếm không có biên bản ngăn chặn của cấp có thẩm quyền.

Căn cứ Điều 82 Luật Đất đai năm 2013 hộ gia đình không được bồi thường, hỗ trợ về đất:

- + Tiền bồi thường về đất đối với diện tích 72,5m²: 0 đồng.
- + Tiền bồi thường hỗ trợ về công trình, vật kiến trúc là: 247,238,126 đồng
- + Hỗ trợ ổn định đời sống khi THĐ phải di chuyển chỗ ở: 14.400.000 đồng.
- + Thuởng tiền độ bàn giao mặt bằng: 3.000.000 đồng (tạm tính bàn giao MB đúng ngày quy định).

2. Về bồi thường đất:

Diện tích 72,5m² bị thu hồi toàn bộ vào dự án; không có nhà ở, đất ở khác trên địa bàn phường Q, phải di chuyển chỗ ở. Bà Đào Thị Kim A có hộ khẩu thường trú tại phố B, phường Q, quận H. Ông Nguyễn Thế C có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Ngày 26/12/2022, UBND xã P có văn bản số 67/CV-UBND về phúc đáp văn bản số 373/PTQĐ của Trung tâm phát triển quỹ đất quận H, nội dung xác nhận của xã P (nơi đăng ký HKTT) không thể hiện và xác định được ông Nguyễn Thế C có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến thửa đất số 128, tờ bản đồ số 20, diện tích 302m² kê khai ông Nguyễn Tiến N và bà Vũ Thị T loại đất ONT của bố mẹ ông C. Hiện bố ông C là ông Nguyễn Tiến N đã chết.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 79 Luật đất đai năm 2013; khoản 4 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; khoản 2 Điều 27 Quyết định 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội, hộ gia đình ông (bà) Đào Thị Kim A - Nguyễn Thế C không đủ cơ sở đề xem xét mua căn hộ tái định cư.

Việc gia đình khiếu nại và đề nghị được tái định cư bằng đất trên địa bàn quận H là không có cơ sở xem xét.

3. Về bồi thường tái định cư:

Theo xác nhận của UBND phường Q thể hiện: hộ gia đình ông (bà) Đào Thị Kim A - Nguyễn Thế C bị thu hồi toàn bộ vào dự án; không có nhà ở, đất ở khác trên địa bàn phường Q, phải di chuyển chỗ ở. Bà Đào Thị Kim A có hộ khẩu thường trú tại phố B, phường Q, quận H. Ông Nguyễn Thế C có hộ khẩu thường trú thôn C, xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Ngày 26/12/2022, UBND xã P có văn bản số 67/CV-UBND về phúc đáp văn bản số 373/PTQĐ của Trung tâm phát triển quỹ đất quận H. Nội dung: "Ông

Nguyễn Thế C sinh ngày 17/12/197X, có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên, hiện nay không có đất ở, nhà ở trên địa bàn xã. Qua xác minh ông Nguyễn Thế C đang kê khai hộ khẩu thường trú cùng mẹ là bà Vũ Thị T; Bà Vũ Thị T và ông Nguyễn Tiến N, vợ chồng bà T vẫn sinh sống cùng các con, cháu trong đó có con là Nguyễn Thế C trên cùng một thửa đất; Công trình nhà ở đang sử dụng là do vợ chồng bà T xây dựng; Thửa đất này vẫn kê khai tên vợ chồng bà Vũ Thị T; Trước khi ông Nguyễn Tiến N chết cũng không có văn bản, giấy tờ gì về việc chuyển nhượng cho con nào cả.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 79 Luật đất đai năm 2013; khoản 4 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính Phủ; khoản 2 Điều 27 Quyết định 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội, hộ gia đình ông (bà) Đào Thị Kim A - Nguyễn Thế C không đủ cơ sở để xem xét mua tái định cư.

4. Về bồi thường tài sản gắn liền với đất và giá trị công trình:

Tại Giấy xác nhận ngày 05/5/2021 và 04/10/2021 của UBND phường Q thể hiện: Công trình xây dựng của hộ bà Đào Thị Kim A không có giấy tờ hợp pháp và không có văn bản xử lý, ngăn chặn.

Căn cứ Điều 14 Quyết định 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND TP Hà Nội, quy định về hỗ trợ nhà, công trình xây dựng không hợp pháp theo quy định tại Điều 31, Điều 32 Nghị định 43/2014/NĐ-CP (Thực hiện khoản 1 và khoản 2 Điều 92 Luật Đất đai và Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP)

- Hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường theo quy định tại Điều 11, 12, 13 của Quy định này đối với các nhà, công trình xây dựng trước 15/10/1993 vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, vi phạm hành lang bảo vệ công trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, công bố công khai và cấm mốc giới nhưng được UBND cấp xã xác nhận không có văn bản xử lý, ngăn chặn của cấp có thẩm quyền.

- Hỗ trợ bằng 50% mức bồi thường theo quy định tại Điều 11, 12, 13 của Quy định này đối với nhà, công trình xây dựng từ 15/10/1993 đến trước 01/7/2004 mà vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, vi phạm hành lang bảo vệ công trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, công bố công khai và cấm mốc giới nhưng được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận không có văn bản xử lý, ngăn chặn của cấp có thẩm quyền.

- Hỗ trợ bằng 10% mức bồi thường theo quy định tại Điều 11, 12, 13 của Quy định này đối với nhà, công trình xây dựng không thuộc quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, được tạo lập trước ngày 01/7/2014.

Đơn giá bồi thường thực hiện theo Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 của UBND thành phố Hà Nội.

UBND quận H phê duyệt phương án BTHT và TĐC tại Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 đối với hộ bà Đào Thị Kim A là đúng quy định. Do đó, hộ bà Đào Thị Kim A khiếu nại giá bồi thường 100% về tài sản gắn liền với đất và giá trị công trình mà gia đình đang sử dụng là không có cơ sở.

Tại văn bản số 201/UBND-ĐC ngày 17/03/2025, người đại diện theo ủy quyền của UBND phường Q có ý kiến:

1. Về tài liệu chứng cứ: UBND phường cung cấp gồm:

- Giấy xác nhận của UBND phường Q ngày 30/3/2022 về việc sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất bị thu hồi; về hộ gia đình, cùng số nhân khẩu đang trực tiếp sinh sống tại địa điểm thu hồi đất để thực hiện dự án Cải thiện hệ thống tiêu thoát

nước khu vực phía Tây thành phố Hà Nội (Trạm bơm tiêu Yên Nghĩa) thuộc địa bàn phường Q, quận H, thành phố Hà Nội;

- Xác nhận của Công an phường Q ngày 24/01/2022;

- Biên bản số 06/BB-UBND ngày 03/11/2020 của UBND phường Q v/v tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư đối với các hộ gia đình, cá nhân có nhà đất tài sản gắn liền với đất nằm trong diện bị thu hồi thực hiện dự án Cải thiện hệ thống tiêu thoát nước khu vực phía Tây thành phố Hà Nội (Trạm bơm tiêu Yên Nghĩa) thuộc địa bàn phường Q, quận H, thành phố Hà Nội;

- Tờ Bản đồ số 7 đo vẽ năm 1998 hoàn thiện năm 2001 kèm theo sổ mục kê.

2. Về quan điểm của UBND phường: Đề nghị Toà căn cứ theo các quy định của pháp luật để xem xét giải quyết, UBND phường không có ý kiến nào khác.

Chủ tịch và UBND phường H là Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của Chủ tịch và UBND quận H và của UBND phường Q có ý kiến:

Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án hành chính theo quy định pháp luật.

Tại văn bản số 1274/CTSN-QLN.CT ngày 16/7/2025, người đại diện theo ủy quyền của Công ty S có ý kiến:

1. Khu đất tập thể Dục Quan khu 3 (Khu đất), có vị trí khoảng từ K0+650 đến K0+960 bờ tả công trình thủy lợi (CTTL) kênh La Khê.

2. Các nội dung liên quan đến khu đất:

2.1. Về nguồn gốc đất:

Theo thời gian, từ năm 1963 đến nay tại các văn bản pháp luật của nhà nước: (1) Nghị định số 141-CP ngày 26/9/1963 ban hành Điều lệ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy nông; (2) Lệnh số 36-L/CTN ngày 31/8/1994 công bố Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ CTTL; (3) Pháp lệnh số 32/2001/PL-UBTVQH10 ngày 04/4/2001 của Quốc hội về khai thác và bảo vệ CTTL; (4) nay là Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 điều xác định, quy định vị trí Khu đất là đất CTTL.

2.2. Về đơn vị quản lý:

Trước đây kênh La Khê là kênh tự nhiên, từ những năm 1930 người Pháp quy hoạch thành CTTL phục vụ tưới, tiêu và thực hiện quản lý đến năm 1954. Từ sau năm 1954 đến nay, theo từng thời kỳ lần lượt do các cơ quan thuộc Bộ Thủy lợi, UBND tỉnh Hà Tây, Thành phố Hà Nội, Sở chuyên ngành quản lý. Hiện nay là Công ty S thuộc UBND thành phố Hà Nội quản lý theo các quy định pháp luật liên quan.

2.3. Quá trình quản lý:

Theo hồ sơ lưu trữ của Công ty, trong quá trình quản lý CTTL kênh La Khê tại vị trí Khu đất có diễn biến:

- Ngày 06/3/1983, Xưởng được QK3 có văn bản số 80/HC đề nghị mượn tạm thời khu đất dọc bờ tả sông La Khê do Công ty S quản lý để làm lán cho bộ đội ở, và đã được Công ty đồng ý về chủ trương, và để thực hiện phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật của Công ty, đồng thời tuân thủ quy định về phân cấp quản lý của các cơ quan Nhà nước. Nội dung này, một lần nữa được khẳng định lại tại văn bản số 192 TB/SN ngày 20/6/1995: “XNTN S rất tin tưởng đơn vị nên đã tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị mượn sử dụng khu mặt bằng trên với điều kiện phải được sự đồng ý của UBND thị xã Hà Đông và UBND tỉnh”.

- Trong quá trình, Xưởng được Quân khu 3 đã tự ý cho triển khai các hoạt động xây dựng trong phạm vi khu đất khi chưa đáp ứng, không thực hiện các yêu cầu, điều kiện để được Công ty, và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho mượn

đất. Do vậy: (1) Công ty đã có các văn bản số 109 TB-SN ngày 21/6/1993, số 120 CV-SN ngày 20/7/1993, số 99 CV/SN ngày 11/4/1995 chấm dứt hiệu lực của văn bản số 80/HC, yêu cầu Xưởng được QK3 phải khôi phục, tháo dỡ toàn bộ các công trình vi phạm; văn bản đồng thời được gửi đến, và đề nghị Bộ quốc phòng, QK3, chính quyền địa phương có biện pháp xử lý, giải tỏa. (2) Cơ quan Nhà nước có văn bản: UBND thị xã Hà Đông có Quyết định số 840/QĐ-UB ngày 20/10/1993 về việc đình chỉ xây dựng và tháo dỡ các công trình xây dựng trái phép của các hộ gia đình CBCNV thuộc Xưởng được QK3 tại bờ kênh La Khê; Văn phòng Bộ Quốc phòng có văn bản số 748 VP/QP ngày 28/4/1995 yêu cầu Thanh tra Bộ Quốc phòng, Bộ tư lệnh Quân khu 3 kiểm tra xem xét, đình chỉ các vi phạm và xử lý vụ việc theo quy định.

Thực tế trên một lần nữa được khẳng định lại tại văn bản số 192 TB/SN ngày 20/6/1995 *“Nhưng đơn vị đã không làm đúng yêu cầu, mà lại tự động phân cho cán bộ chiến sỹ, cán bộ chiến sỹ được phân lại xây dựng trái với quy định của cơ quan chuyên môn”*.

- Từ năm 1995 đến nay, Công ty tiếp tục có nhiều văn bản gửi Xưởng được QK3, chính quyền địa phương, cơ quan chức năng có liên quan về việc đề nghị ngăn chặn, xử lý các vi phạm của cá nhân, tập thể diễn ra trên khu đất. Tuy nhiên, các vi phạm không được xử lý dứt điểm, tiếp tục tồn tại và diễn biến phức tạp hơn cho đến khi bị thu hồi, giải tỏa để thực hiện dự án Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía Tây thành phố Hà Nội (trạm bơm tiêu Yên Nghĩa).

3. Về trình tự, thủ tục để được mượn tạm đất trong phạm vi bảo vệ CTTL kênh La Khê, theo nội dung trong các hồ sơ lưu trữ đã nêu rõ:

- Văn bản số 80/HC ngày 06/3/1983: *“hình thức xây dựng tạm thời”; “trước khi xây dựng phải thông qua đồ án và bố trí mặt bằng với Công ty”; “Đơn vị phải bảo đảm trật tự trị an, có trách nhiệm bảo vệ công trình thủy lợi an toàn trong khu vực của mình. Không được cho bất kỳ tập thể hoặc cá nhân nào mượn đất xây dựng hoặc làm việc khác trong khu vực đó”; “Khi không sử dụng nữa, đơn vị phải bàn giao trả Công ty”*.

- Văn bản số 99 CV/SN ngày 11/4/1995: *“Đến ngày 23/6/1987 Xưởng được QK3 có công văn gửi các cấp đề nghị cho làm nhà cấp 4. XNTN Sông Nhuệ và Sở Thủy lợi Hà Sơn Bình (nay là Hà Tây) đã có ý kiến là: Xưởng được QK3 phải làm theo quy định của XNTN sông Nhuệ tại công văn số 80/HC ngày 06/3/1983 và đề nghị Tỉnh, thị xã Hà Đông và các cơ quan chức năng giải quyết đủ thủ tục thì Xưởng được mới được sử dụng khu đất mượn đó”*.

- Văn bản số 192 TB/SN ngày 20/6/1995: *“đơn vị mượn sử dụng khu mặt bằng trên với điều kiện phải được sự đồng ý của UBND thị xã và UBND tỉnh”*.

4. Từ các nội dung, thông tin đã nêu tại các Mục 1, 2, 3 nêu trên: Xưởng được QK3 trong khi chưa (không) làm đủ thủ tục, trình tự để được cho phép mượn tạm đất, mà đã tự ý chia đất cho các hộ để xây dựng nhà kiên cố trên mặt bằng. Ngoài ra, các hộ đã xây dựng còn có tình chiếm tiếp số diện tích đất còn lại trên thân đê kênh La Khê. Việc này, tại các văn bản đều kết luận là hoàn toàn sai trái. Khi phát hiện, Công ty và các cơ quan chức năng đã xử lý nhiều lần, nhưng đơn vị không thi hành nghiêm túc. Do vậy, việc Xưởng được QK3 cấp đất cho các hộ là lấn chiếm, cấp trái thẩm quyền.

5. Trong thời gian qua, Công ty S đã tham gia quá trình Tòa án xét xử các vụ án “Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” của các hộ liên quan đến Khu đất được Quân khu 3 theo triệu tập của Tòa án. Tính chất các vụ án là tương đồng. Đến nay, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã có Quyết định xử một trong số các vụ án trên, với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty hoàn toàn đồng ý, chấp hành.

6. Công ty cung cấp các tài liệu liên quan như sau:

- Văn bản số 80/HC ngày 06/3/1983 của Cục Hậu Cần - Xưởng được QK3 về ý kiến trả lời của Công ty;

- Văn bản số 109 TB-SN ngày 21/6/1993 của Công ty gửi Xưởng được QK3;

- Văn bản số 120 CV-SN ngày 20/7/1993 của Công ty gửi Xưởng được QK3;

- Quyết định số 840/QĐ-UB ngày 20/10/1993 của UBND thị xã Hà Đông về việc đình chỉ xây dựng và tháo dỡ các công trình xây dựng trái phép của các hộ gia đình CBCNV thuộc Xưởng được QK3;

- Văn bản số 99 CV/SN ngày 11/4/1995 của Công ty gửi Xưởng được QK3 về việc vi phạm hành lang bảo vệ sông La Khê;

- Văn bản số 748 VP/QP ngày 28/4/1995 của Văn phòng Bộ Quốc phòng;

- Văn bản số 192 TB/SN ngày 20/6/1995 của Công ty gửi Đội sản xuất thuộc QK3;

- Văn bản số 231 CV/CT ngày 18/8/1999 của Công ty gửi Bộ Tư lệnh quân khu 3 và Cục Hậu cần quân khu 3;

- Văn bản số 128/CV/CT ngày 24/5/2000 của Công ty gửi UBND thị xã Hà Đông, UBND phường Q.

Đề nghị Tòa án xem xét, xét xử vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai của Hộ gia đình bà Đào Thị Kim A: ông Nguyễn Thế C, chị Nguyễn Thu T, anh Nguyễn Thế D:

Có ý kiến hoàn toàn đồng ý nội dung yêu cầu khởi kiện và bản tự khai của bà Đào Thị Kim A. Tất cả những ý kiến của bà Kim A cũng là ý kiến của hộ gia đình. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Các đương sự không giao nộp bổ sung tài liệu chứng cứ nào khác.

* Người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện sau khi trình bày bản luận cứ đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính về việc thụ lý, giải quyết vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách người tham gia tố tụng, thực hiện đúng quy định về thủ tục lấy lời khai, tiến hành công khai chứng cứ, đối thoại, đảm bảo đúng các thủ tục tố tụng khác. Việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đầy đủ, đúng quy định. Tuy nhiên thời hạn xét xử chưa được đảm bảo theo quy định nhưng có lý do khách quan do vụ án có tính chất phức tạp, cần thu thập tài liệu chứng cứ. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên tòa: Hội

đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự tổ tụng hành chính. Người khởi kiện, đại diện của người bị kiện, người liên quan có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, được làm rõ tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị Kim A:

Hủy một phần Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 của UBND quận H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi tiết khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ gia đình bà Đào Thị Kim A (hủy về phần bồi thường hỗ trợ về đất và tái định cư).

Hủy một phần Quyết định số 2069/QĐ-UBND ngày 29/5/2024 của Chủ tịch UBND quận H về việc giải quyết khiếu nại của bà Đào Thị Kim A (Lần đầu).

+ Đối với Quyết định số 3209/QĐ-UBND ngày 17/6/2025 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại của bà Đào Thị Kim A (Lần hai). Mặc dù tại Điều 1 phần quyết định ghi đồng ý với Quyết định số 2069/QĐ-UBND ngày 29/5/2024 của Chủ tịch UBND quận H nhưng tại Điều 2 phần quyết định đã giải quyết đảm bảo quyền lợi cho hộ gia đình bà Đào Thị Kim A, được xem xét lập phương án tái định cư, hỗ trợ khác về đất, nên xét thấy không có căn cứ để hủy Quyết định này, đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị Kim A về việc yêu cầu hủy Quyết định số 3209/QĐ-UBND ngày 17/6/2025 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại của bà Đào Thị Kim A (Lần hai).

+ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị Kim A về yêu cầu hủy: Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 của UBND quận H về việc thu hồi đất; Quyết định số 2489/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của Chủ tịch UBND quận H về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định thu hồi đất.

+ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị Kim A về yêu cầu buộc chấm dứt hành vi hành chính có liên quan và bồi thường thiệt hại do UBND, Chủ tịch UBND quận H gây nên đối với gia đình bà Kim A, xin lỗi công khai, bồi thường danh dự của những công dân phường Q, quận H, thành phố Hà Nội.

+ Án phí: Người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[I] Về tố tụng:

1. Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Đào Thị Kim A khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 của UBND quận H về việc thu hồi đất; Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 của UBND quận H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi tiết khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 2489/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của UBND quận H về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định thu hồi đất; Quyết định số 2609/QĐ-UBND ngày 29/5/2024 của Chủ

tịch UBND quận H về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu); Quyết định số 3209/QĐ-UBND ngày 17/6/2025 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại của bà Đào Thị Kim A (lần hai); Đây là các Quyết định hành chính do cơ quan hành chính nhà nước/người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước ban hành trong lĩnh vực quản lý đất đai, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 3, khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

2. Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 19/8/2024 bà Đào Thị Kim A gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đối với các Quyết định hành chính nêu trên là đảm bảo về thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

Khi xem xét Quyết định hành chính bị kiện, Hội đồng xét xử còn phải xem xét các Quyết định hành chính khác có liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật Tổ tụng hành chính.

3. Về việc xác định người tham gia tố tụng; Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:

- Về người bị kiện: Bà Đào Thị Kim A khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định hành chính do UBND quận H, Chủ tịch UBND quận H, Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội ký ban hành, căn cứ khoản 9 Điều 3 Luật Tổ tụng hành chính, xác định Chủ tịch và UBND quận H; Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội là người bị kiện trong vụ án.

- Căn cứ: Khoản 3, 4 Điều 59 Luật tố tụng hành chính; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025; Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội; Điều 5 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính Phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 29/4/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội; Hội đồng xét xử xác định: Chủ tịch và UBND phường H, thành phố Hà Nội là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Chủ tịch và UBND quận H, thành phố Hà Nội và UBND phường H là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của UBND phường Q, quận H, thành phố Hà Nội, tham gia tố tụng trong vụ án hành chính này.

- Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Năm 1983, Công ty S cho Xí nghiệp Dược quân khu 3 mượn đất làm lán cho bộ đội ở. Sau đó đến năm 1987 Xí nghiệp Dược quân khu 3 cấp cho bà Nguyễn Thị B diện tích 50,85m². Năm 2001 bà Nguyễn Thị B và chồng là ông Nguyễn Tiến H bán cho bà Đào Thị Kim A và chồng là ông Nguyễn Thế C. Căn cứ khoản 10 Điều 3 Luật tố tụng hành chính, xác định Công ty S là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án hành chính này. Xí nghiệp Dược quân khu 3 đã bị giải thể, không còn tồn tại nên Tòa án không đưa vào tham gia tố tụng.

- Theo Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 của UBND quận H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi tiết khi Nhà nước thu hồi đất thì quyền lợi được bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình; Theo Giấy xác nhận ngày 05/5/2021, 04/10/2021, 30/3/2022 của UBND phường Q và Giấy xác nhận ngày 24/01/2022 của Công an phường Q; Căn cứ khoản 10 Điều 3 Luật tố tụng hành

chính, xác định những người có tên trong hộ gia đình bà Đào Thị Kim A tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, gồm: ông Nguyễn Thế C, chị Nguyễn Thu T, anh Nguyễn Thế D, cháu Nguyễn Ngọc L.

4. Về việc xét xử vắng mặt đương sự tại phiên tòa:

Người khởi kiện, người bị kiện, người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 157, khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng Hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự này.

[III] Về nội dung vụ án: Xét các quyết định hành chính bị kiện và các quyết định hành chính có liên quan.

1. Về dự án: Dự án Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía Tây thành phố Hà Nội (Trạm bơm tiêu Yên Nghĩa) là dự án đầu tư công, Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định Điều 62 Luật Đất đai năm 2013.

2. Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của hộ bà Đào Thị Kim A:

Theo các Giấy xác nhận ngày 05/5/2021, 04/10/2021, 30/3/2022 của UBND phường Q thể hiện: Tổng diện tích đất đang sử dụng: 72,5m²; Diện tích đất bị thu hồi: 72,5m² tại thửa đất số 45 tờ số 02 theo trích đo bản đồ thu hồi đất thực hiện dự án; Diện tích đất không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 72,5m²; Diện tích còn lại: 0m².

Nguồn gốc diện tích 72,5m² đất bị thu hồi của hộ gia đình bà Đào Thị Kim A thuộc địa bàn phường Q (nay là phường H), bao gồm:

- 50,85m² đất có nguồn gốc đất hành lang bảo vệ công trình thủy lợi kênh La Khê do Công ty S cho Xí nghiệp Dược quân khu 3 mượn đất làm lán cho bộ đội ở năm 1983. Sau đó năm 1987 Xí nghiệp Dược quân khu 3 cấp cho bà Nguyễn Thị B 50,85m² đất làm nhà ở.

- 4,05m² bà Nguyễn Thị B lấn chiếm đất hành lang bảo vệ công trình thủy lợi kênh La Khê, thời điểm từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004. Tại thời điểm lấn chiếm không có văn bản ngăn chặn của cấp có thẩm quyền.

- Ngày 11/10/2001 ông Nguyễn Tiến H và vợ là bà Nguyễn Thị B đã bán nhà đất cho ông Nguyễn Thế C và vợ là bà Đào Thị Kim A (Giấy biên nhận mua bán nhà đất có chữ ký của các bên, giấy viết tay không có xác nhận của chính quyền).

- 17,6m² đất gia đình bà Đào Thị Kim A lấn chiếm đất hành lang bảo vệ công trình thủy lợi kênh La Khê, thời điểm từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014. Tại thời điểm lấn chiếm không có văn bản ngăn chặn của cấp có thẩm quyền.

Như vậy hộ bà Đào Thị Kim A sử dụng đất có nguồn gốc là đất hành lang bảo vệ công trình thủy lợi kênh La Khê do Công ty S cho Xí nghiệp Dược quân khu 3 mượn và đất lấn chiếm.

3. Xét Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 của UBND quận H về việc thu hồi đất:

- Về căn cứ, thẩm quyền ban hành Quyết định: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 66, điểm a khoản 3 Điều 69 Luật đất đai năm 2013, UBND quận H ban hành Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 về việc thu hồi đất là có căn cứ, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

- Dự án Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía Tây thành phố Hà Nội (Trạm bơm tiêu Yên Nghĩa) là dự án đầu tư công, Nhà nước thu hồi đất để phát triển

kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định Điều 62 Luật Đất đai năm 2013. Để thực hiện dự án này, UBND quận H đã tiến hành các trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, đã ban hành Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 về việc thu hồi 72,5m² đất do hộ ông (bà) Đào Thị Kim A – Nguyễn Thế C đang sử dụng tại phường Q, quận H, thành phố Hà Nội, tại thửa đất số 45 tờ số 02 theo trích đo bản đồ thu hồi đất thực hiện dự án là đúng quy định của pháp luật. Do đó, bà Đào Thị Kim A yêu cầu hủy Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 của UBND quận H về việc thu hồi đất là không có căn cứ để chấp nhận.

4. Xét Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 của UBND quận H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi tiết khi Nhà nước thu hồi đất:

4.1. Về căn cứ, thẩm quyền ban hành Quyết định: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 66, điểm a khoản 3 Điều 69 Luật đất đai năm 2013, UBND quận H ban hành Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi tiết khi Nhà nước thu hồi đất là có căn cứ, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

4.2. Về nội dung Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 của UBND quận H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ gia đình bà Đào Thị Kim A (kèm theo phương án chi tiết) thể hiện:

- Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư về đất: Diện tích đất bị thu hồi 72,5m², diện tích đất còn lại là 0,0m², có nguồn gốc là đất hành lang bảo vệ công trình thủy lợi kênh La Khê, không được bồi thường, hỗ trợ về đất.

Theo các Giấy xác nhận của UBND phường Q thể hiện: Hộ gia đình ông bà Đào Thị Kim A – Nguyễn Thế C bị thu hồi toàn bộ vào dự án, không có nhà ở, đất ở khác trên địa bàn phường Q, phải di chuyển chỗ ở. Bà Đào Thị Kim A có hộ khẩu thường trú tại phố B, phường Q, quận H. Ông Nguyễn Thế C có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Ngày 22/12/2022, Trung tâm phát triển quỹ đất có văn bản số 373/PTQĐ về việc xác nhận tình trạng nhà ở, đất ở tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của ông Nguyễn Thế C để làm căn cứ xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB thực hiện dự án: Cải tạo hệ thống tiêu thoát nước khu vực phía Tây thành phố Hà Nội (Trạm bơm tiêu Yên Nghĩa) thuộc địa bàn phường Q, quận H, TP Hà Nội.

Ngày 26/12/2022, UBND xã P có văn bản số 67/CV-UBND về phúc đáp văn bản số 373/PTQĐ của Trung tâm phát triển quỹ đất quận H. Nội dung: "Ông Nguyễn Thế C, sinh ngày 17/12/197X, có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên, hiện nay không có đất ở, nhà ở trên địa bàn xã.

Qua xác minh ông Nguyễn Thế C đang kê khai hộ khẩu thường trú cùng mẹ là bà Vũ Thị T, Bà Vũ Thị T và ông Vũ Tiến N, vợ chồng bà T vẫn sinh sống cùng các con, cháu trong đó có con là Nguyễn Thế C trên cùng một thửa đất; Công trình nhà ở đang sử dụng là do vợ chồng bà T xây dựng; Thửa đất này vẫn kê khai tên vợ chồng bà Vũ Thị T; Trước khi ông Nguyễn Tiến N chết cũng không có văn bản, giấy tờ gì về việc chuyển nhượng cho con nào cả.

Theo bản đồ năm 2007 và 2015: tại thửa đất số 128, tờ bản đồ số 20, diện tích 302m² kê khai ông Vũ Tiến N và bà Vũ Thị T loại đất ONT.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 79 Luật đất đai năm 2013; khoản 4 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; khoản 2 Điều 27 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội, hộ gia đình ông (bà) Đào Thị Kim A - Nguyễn Thế C không đủ cơ sở để xem xét mua tái định cư.

- Bồi thường, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất bị thu hồi: Tổng số tiền là 247.710.626 đồng;

- Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác: Hỗ trợ ổn định đời sống khi thu hồi đất phải di chuyển chỗ ở là 14.400.000 đồng; Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng là 3.000.000 đồng; Tổng là 17.400.000 đồng.

- Tổng số tiền được bồi thường, hỗ trợ: 265.110.626 đồng.

Xét thấy:

- Tại văn bản số 80/HC ngày 06/03/1983 của Xưởng được Quân khu 3 gửi Công ty S, tỉnh Hà Sơn Bình, Xưởng được Quân khu 3 đề nghị được mượn khu đất bờ sông La Khê nối tiếp với khu tập thể ngân hàng thị xã H do Công ty S quản lý, diện tích là 5000m² để làm lán cho bộ đội ở, và đã được Công ty đồng ý cho mượn tạm thời khu đất với các điều kiện về vị trí giới hạn khu đất, về hình thức xây dựng tạm thời, yêu cầu kỹ thuật của Công ty, có trách nhiệm đảm bảo trật tự trị an, vệ sinh môi trường, bảo vệ công trình an toàn, không được cho bất kỳ tập thể hoặc cá nhân nào mượn đất để xây dựng hoặc làm việc khác trong khu vực đó, khi không sử dụng nữa phải bàn giao trả Công ty quản lý.

- Năm 1987 Xí nghiệp Được quân khu 3 cấp cho bà Nguyễn Thị B 50,85m² đất làm nhà ở theo Giấy chứng nhận cấp đất làm nhà ở số 15 tháng 12/1987.

- Ngày 11/10/2001 ông Nguyễn Tiến H và vợ là bà Nguyễn Thị B đã bán nhà đất cho ông Nguyễn Thế C và vợ là bà Đào Thị Kim A (Giấy biên nhận mua bán nhà đất có chữ ký của các bên, giấy viết tay không có xác nhận của chính quyền).

- Công ty S đã có các văn bản số 109/TB-SN ngày 21/6/1993, văn bản số 120/CV-SN ngày 20/7/1993, văn bản số 99/CV-SN ngày 11/4/1995 gửi Xưởng được Quân khu 3 thông báo chấm dứt hiệu lực của văn bản số 80/HC ngày 06/03/1983 giữa Xưởng được Quân khu 3 và Công ty S không còn giá trị thực hiện kể từ ngày 21/6/1993, yêu cầu Xưởng được Quân khu 3 phải khôi phục, tháo dỡ, giải tỏa toàn bộ những nhà ở xây dựng trái phép trên đất đã mượn của Công ty S; Các văn bản này đồng thời được gửi đến Bộ quốc phòng, Quân khu 3, UBND các cấp và các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, đề nghị có biện pháp xử lý, giải quyết dứt điểm.

- Tại Quyết định số 840/QĐ-UB ngày 20/10/1993 của UBND thị xã H đã quyết định đình chỉ xây dựng và tháo dỡ các công trình xây dựng trái phép của các hộ gia đình CBCNV thuộc Xưởng được Quân khu 3 tại bờ máng kênh La Khê.

- Tại văn bản số 748/VP-QP ngày 28/4/1995 của Bộ Quốc phòng yêu cầu Thanh tra Bộ Quốc phòng, Bộ tư lệnh Quân khu 3 kiểm tra xem xét, đình chỉ các vi phạm và xử lý vụ việc theo quy định.

- Quyết định số 225-QĐ/UB ngày 19/5/1995 của UBND tỉnh Hà Tây về hành lang bảo vệ bờ sông Nhuệ và bờ kênh La Khê thuộc thị xã H.

- Các Giấy xác nhận của UBND phường Q ngày 05/05/2021, ngày 04/10/2021 và ngày 30/03/2022 về việc sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất bị thu hồi của hộ gia đình bà Đào Thị Kim A.

Như vậy, diện tích đất hộ gia đình bà Đào Thị Kim A sử dụng có nguồn gốc là đất hành lang bảo vệ công trình thủy lợi kênh La Khê do Công ty S cho Xí nghiệp Dược quân khu 3 mượn và do hộ gia đình bà B, bà Kim A lấn chiếm trong quá trình sử dụng, không phải đất được giao trái thẩm quyền, không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1,2 Điều 23 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ. Từ thời điểm năm 1987, hộ gia đình bà Nguyễn Thị B sử dụng làm nhà ở đã vi phạm Luật đất đai, Pháp luật bảo vệ các công trình thủy lợi, Pháp lệnh đê điều. Ngày 11/10/2001 ông Nguyễn Tiến H và vợ là bà Nguyễn Thị B đã bán nhà đất cho ông Nguyễn Thế C và vợ là bà Đào Thị Kim A (Giấy biên nhận mua bán nhà đất có chữ ký của các bên, giấy viết tay không có xác nhận của chính quyền). Đối với loại đất này, Luật đất đai các thời kỳ đều xác định không thuộc trường hợp được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo quy định tại Điều 75 Luật đất đai năm 2013 thì diện tích đất hộ gia đình bà Đào Thị Kim A bị thu hồi không đủ điều kiện để bồi thường về đất khi nhà nước thu hồi đất. UBND quận H ra quyết định không bồi thường về đất khi thu hồi đất của hộ gia đình bà Đào Thị Kim A là đúng quy định của pháp luật.

Theo nội dung Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 của UBND quận H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ gia đình bà Đào Thị Kim A (kèm theo phương án chi tiết) như đã nêu cụ thể ở trên, thì các Giấy xác nhận của UBND phường Q, các văn bản xác nhận, xác minh về tình trạng nhà ở, đất ở tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của bà Đào Thị Kim A – Nguyễn Thế C, đều xác nhận hộ gia đình ông bà Đào Thị Kim A – Nguyễn Thế C bị thu hồi toàn bộ vào dự án, không có nhà ở, đất ở khác trên địa bàn phường Q, phải di chuyển chỗ ở, bà Đào Thị Kim A có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phố B, phường Q, quận H, ông Nguyễn Thế C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên, tuy nhiên cả bà Kim A và ông C đều không có nhà ở, đất ở thuộc quyền sở hữu của mình tại các địa chỉ đăng ký thường trú, và cũng chưa có cơ sở để xác định bà Kim A và ông C có nhà ở, đất ở nào khác thuộc quyền sở hữu của mình tại địa chỉ nào khác. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 79 Luật đất đai năm 2013; khoản 4 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; khoản 2 Điều 27 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội; hộ gia đình ông (bà) Đào Thị Kim A - Nguyễn Thế C đủ điều kiện để xem xét mua căn hộ tái định cư theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của hộ gia đình ông bà Đào Thị Kim A - Nguyễn Thế C.

Căn cứ nội dung Văn bản số 297/UBND-TNMT ngày 25/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc chính sách hỗ trợ khi thực hiện công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Trạm bơm tiêu Yên Nghĩa thuộc địa bàn quận H; UBND Thành phố Hà Nội đồng ý với đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 9903/STNMT-QHKHSDD ngày 06/12/2024 của Sở tài nguyên và Môi trường về việc giải quyết vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Trạm bơm tiêu Yên Nghĩa thuộc địa bàn quận H “3. Đề xuất: Căn cứ khoản 2 Điều 108 Luật đất đai năm 2024, để tháo gỡ vướng mắc trong việc áp dụng chính sách khi thực hiện công tác giải phóng mặt bằng dự án, trên cơ sở ý kiến của UBND quận H tại văn bản số 475/BC-UBND ngày 14/8/2024, Sở tài nguyên và Môi trường báo cáo UBND Thành phố Hà Nội cho phép bổ sung đối tượng được hỗ trợ bằng 30% (đối với trường hợp chuyển đổi trước ngày 15/10/1993) và 20% (đối với trường

hợp chuyển từ đổi sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004) đơn giá đất ở hoặc đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp cùng vị trí theo đơn giá tại Quyết định 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND Thành phố Hà Nội cho diện tích đất thực tế có xây dựng công trình bị thu hồi nhưng không quá 90m²/chủ sử dụng đất theo mục 3 Văn bản số 1686/UBND-TNMT ngày 05/6/2023 của UBND Thành phố Hà Nội: Các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất hành lang kênh đã xây dựng nhà để ở hoặc kinh doanh ổn định”.

Như vậy, UBND Thành phố Hà Nội đã áp dụng khoản 2 Điều 108 Luật đất đai năm 2024 để có cơ chế đặc thù đối với các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất hành lang kênh đã xây dựng nhà để ở hoặc kinh doanh ổn định. Diện tích đất bị thu hồi của gia đình bà Đào Thị Kim A thuộc trường hợp được điều chỉnh theo cơ chế đặc thù. Để đảm bảo quyền lợi cho hộ gia đình bà Đào Thị Kim A, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị Kim A, hủy một phần (phần bồi thường, hỗ trợ về đất và tái định cư) trong Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 của UBND quận H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi tiết khi Nhà nước thu hồi đất, UBND quận H (Nay là UBND phường H) cần phải ban hành phương án bồi thường, hỗ trợ về đất và tái định cư cho hộ gia đình bà Đào Thị Kim A theo cơ chế đặc thù, cụ thể:

Trong tổng số diện tích 72,5m² đất bị thu hồi của hộ gia đình bà Đào Thị Kim A bao gồm:

- 50,85m² đất có nguồn gốc đất hành lang bảo vệ công trình thủy lợi La Khê do Công ty S cho Xí nghiệp Dược quân khu 3 mượn đất làm lán cho bộ đội ở năm 1983. Sau đó năm 1987 Xí nghiệp Dược quân khu 3 tự cấp cho bà Phạm Thị B 50,85m² làm nhà ở, ngày 11/10/2001 ông Nguyễn Tiến H và vợ là bà Nguyễn Thị B đã bán nhà đất cho ông Nguyễn Thế C và vợ là bà Đào Thị Kim A (Giấy biên nhận mua bán nhà đất có chữ ký của các bên, giấy viết tay không có xác nhận của chính quyền), sẽ được hỗ trợ 30% đơn giá đất ở theo đơn giá tại Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội.

- 4,05m² bà Nguyễn Thị B lấn chiếm đất hành lang bảo vệ công trình thủy lợi kênh La Khê, thời điểm từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004, được hỗ trợ 20% đơn giá đất ở theo đơn giá tại Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND Thành phố Hà Nội.

- 17,6m² đất gia đình bà Đào Thị Kim A lấn chiếm đất hành lang bảo vệ công trình thủy lợi kênh La Khê, thời điểm từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014, không được hỗ trợ về đất.

Đối với các khoản bồi thường, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất bị thu hồi, hỗ trợ khác trong Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 của UBND quận H là phù hợp các tài liệu có trong hồ sơ, đúng quy định tại Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội.

5. Xét Quyết định số 2489/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của Chủ tịch UBND quận H về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định thu hồi đất đối với hộ gia đình bà Đào Thị Kim A:

Để thực hiện Dự án Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía Tây thành phố Hà Nội (Trạm bơm tiêu Yên Nghĩa), hộ gia đình bà Đào Thị Kim A không chấp hành Quyết định thu hồi đất, không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt

bằng, không bàn giao đất cho Nhà nước thực hiện dự án, do vậy Chủ tịch UBND quận H đã ban hành Quyết định số 2489/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định thu hồi đất đối với hộ gia đình ông bà Đào Thị Kim A – Nguyễn Thế C là có căn cứ, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 69, Điều 71 Luật Đất đai năm 2013. Do vậy, bà Đào Thị Kim A yêu cầu hủy Quyết định cưỡng chế thu hồi đất là không có căn cứ để chấp nhận.

6. Xét Quyết định số 2069/QĐ-UBND ngày 29/05/2024 của Chủ tịch UBND quận H về việc giải quyết khiếu nại của bà Đào Thị Kim A (Lần đầu):

Căn cứ Điều 18 Luật khiếu nại năm 2011; Điều 29 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Chủ tịch UBND quận H ban hành Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 28/06/2024 về việc giải quyết khiếu nại của bà Đào Thị Kim A (lần đầu) là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Như đã phân tích ở trên, diện tích đất bị thu hồi của gia đình bà Đào Thị Kim A thuộc trường hợp được điều chỉnh theo cơ chế đặc thù. UBND quận H (nay là UBND phường H) cần phải ban hành phương án bồi thường, hỗ trợ về đất cho hộ gia đình bà Đào Thị Kim A theo cơ chế đặc thù nêu trên, và cần được xem xét áp dụng chính sách về tái định cư theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị Kim A, hủy một phần (phần bồi thường, hỗ trợ về đất và tái định cư) trong Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 của UBND quận H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi tiết khi Nhà nước thu hồi đất.

Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND quận H giữ nguyên Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 của UBND quận H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi tiết khi Nhà nước thu hồi đất là chưa phù hợp. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính, cần hủy một phần Quyết định số 2069/QĐ-UBND ngày 29/5/2024 của Chủ tịch UBND quận H về việc giải quyết khiếu nại của bà Đào Thị Kim A (Lần đầu).

7. Xét Quyết định số 3029/QĐ-UBND ngày 17/6/2025 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại của bà Đào Thị Kim A (Lần hai):

Căn cứ Điều 21 Luật khiếu nại năm 2011; Điều 22 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 3029/QĐ-UBND ngày 17/6/2025 về việc giải quyết khiếu nại của bà Đào Thị Kim A (Lần hai) là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Như đã phân tích ở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị Kim A, hủy một phần (phần bồi thường, hỗ trợ về đất và tái định cư) trong Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 của UBND quận H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi tiết khi Nhà nước thu hồi đất, do vậy cần hủy một phần Quyết định số 2069/QĐ-UBND ngày 29/5/2024 của Chủ tịch UBND quận H về việc giải quyết khiếu nại của bà Đào Thị Kim A (Lần đầu).

Đối với Quyết định số 3209/QĐ-UBND ngày 17/6/2025 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại của bà Đào Thị Kim A (Lần hai), tại phần quyết định: “Điều 1. Đồng ý với Quyết định số 2069/QĐ-UBND ngày 29/5/2024 của Chủ tịch UBND quận H về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Đào Thị Kim A. Điều 2. Giao Chủ tịch UBND quận H: Xem xét lập phương án tái

định cư, hỗ trợ khác về đất cho gia đình bà Đào Thị Kim A theo chính sách được UBND Thành phố chỉ đạo tại Văn bản 1686/UBND-TNMT ngày 05/6/2023 và số 297/UBND-TNMT ngày 25/01/2025”. Như vậy, Quyết định số 3209/QĐ-UBND ngày 17/6/2025 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội đã giải quyết đảm bảo quyền lợi cho hộ gia đình bà Đào Thị Kim A. Mặc dù tại Điều 1 phần quyết định ghi đồng ý với Quyết định số 2069/QĐ-UBND ngày 29/5/2024 của Chủ tịch UBND quận H nhưng tại Điều 2 phần quyết định đã giải quyết đảm bảo quyền lợi cho hộ gia đình bà Đào Thị Kim A, được xem xét lập phương án tái định cư, hỗ trợ khác về đất. Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để hủy Quyết định này, do vậy không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị Kim A về việc yêu cầu hủy Quyết định số 3209/QĐ-UBND ngày 17/6/2025 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại của bà Đào Thị Kim A (Lần hai).

8. Từ các căn cứ phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị Kim A.

9. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị Kim A về yêu cầu buộc chấm dứt hành vi hành chính có liên quan và bồi thường thiệt hại do UBND, Chủ tịch UBND quận H gây nên đối với gia đình ông (bà) Đào Thị Kim A – Nguyễn Thế C, xin lỗi công khai, bồi thường danh dự của những công dân phường Q, quận H, thành phố Hà Nội.

[III]. Về án phí và quyền kháng cáo:

Chủ tịch và UBND quận H (nay là Chủ tịch và UBND phường H) phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định pháp luật.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1,2,9,10 Điều 3; khoản 1 Điều 6; khoản 1 Điều 30; khoản 3,4 Điều 32; khoản 3,4 Điều 59; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 116; Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 204; Điều 206 Luật Tổ tụng Hành chính năm 2015;

- Khoản 1 Điều 16; Điều 62; điểm a khoản 2 Điều 66, Điều 69, 71, 74, 75, 204 Luật Đất đai năm 2013;

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

- Luật Khiếu nại năm 2011;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều Luật đất đai;

- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017, số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Văn bản số 297/UBND-TNMT ngày 25/01/2025 của UBND TP Hà Nội;

- Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị Kim A:

- Hủy một phần (phần bồi thường, hỗ trợ về đất và tái định cư) Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 của Ủy ban nhân dân quận H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi tiết khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ gia đình ông (bà) Đào Thị Kim A – Nguyễn Thế C để thực hiện dự án Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía Tây thành phố Hà Nội (Trạm bơm tiêu Yên Nghĩa).

- Hủy một phần Quyết định số 2069/QĐ-UBND ngày 29/05/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận H về việc giải quyết khiếu nại của bà Đào Thị Kim A (Lần đầu).

2. Buộc Ủy ban nhân dân phường H phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định pháp luật, xem xét phê duyệt lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi tiết khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ gia đình ông (bà) Đào Thị Kim A – Nguyễn Thế C để thực hiện dự án Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía Tây thành phố Hà Nội (Trạm bơm tiêu Yên Nghĩa), theo phần nhận định của Bản án và theo quy định của pháp luật.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị Kim A về yêu cầu hủy: - Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 của Ủy ban nhân dân quận H về việc thu hồi 72,5m² đất do hộ ông (bà) Đào Thị Kim A – Nguyễn Thế C đang sử dụng tại phường Q, quận H, thành phố Hà Nội để thực hiện dự án: Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía Tây thành phố Hà Nội (Trạm bơm tiêu Yên Nghĩa).

- Quyết định số 2489/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận H về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định thu hồi đất đối với hộ gia đình ông (bà) Đào Thị Kim A – Nguyễn Thế Chiến.

- Quyết định số 3029/QĐ-UBND ngày 17/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại của bà Đào Thị Kim A (Lần hai).

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị Kim A về yêu cầu buộc chấm dứt hành vi hành chính có liên quan và bồi thường thiệt hại do UBND, Chủ tịch UBND quận H gây nên đối với gia đình ông (bà) Đào Thị Kim A – Nguyễn Thế C, xin lỗi công khai, bồi thường danh dự của những công dân phường Q, quận H, thành phố Hà Nội.

Bác các yêu cầu khác của bà Đào Thị Kim A.

5. Về án phí:

Chủ tịch và Ủy ban nhân dân phường H phải chịu 600.000 (Sáu trăm nghìn) đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Người khởi kiện được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0076784 ngày 12/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Lan Chi

